TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Ngọc Túy;

Ông Nguyễn Hữu Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 30-01-2019 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-7-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23-7-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị PTHT; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 45 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số 80 Đường D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Bị đơn: Anh DTH; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 2A ngõ 160 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; nơi làm việc: Số 02 Lô 34 J, phường K, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15-11-2018, được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 30-01-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị PTHT và anh DTH xây dựng gia đình cùng nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận I, thành phố Hải Phòng,

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 26-12-2005. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách. Hai bên đã không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau và đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị PTHT đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết cho chị PTHT được ly hôn với anh DTH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị PTHT và anh DTH có 02 con chung, là L, sinh ngày 14-01-2007 và M, sinh ngày 17-6-2011, hiện chị PTHT đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Ly hôn, chị PTHT có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị PTHT sẽ tự thỏa thuận với anh DTH, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị PTHT đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thu lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh DTH đều không đến và cũng không gửi bất cứ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình về việc chị PTHT xin ly hôn và yêu cầu dược trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu.

Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị PTHT được ly hôn với anh DTH; về con chung: Giao 02 con chung, là L, sinh ngày 14-01-2007 và M, sinh ngày 17-6-2011 cho chị PTHT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị PTHT đề nghị Toà án để hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Chị PTHT đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết;

về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTHT phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn anh DTH không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị PTHT và anh DTH được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn:

Chị PTHT có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị PTHT cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không còn tình cảm với nhau; đã sống ly thân, không còn trách nhiệm với nhau. Do đó, chị PTHT vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu của mình về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh DTH là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, anh DTH không đến Tòa án tham gia hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy chứng tỏ bản thân anh DTH cũng không mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống thực tế của vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau không ai quan tâm tới ai là đúng với trình bày của nguyên đơn và phù hợp với các Biên bản điều tra xác minh tại địa phương. Hai bên đều đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Mặt khác, hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị PTHT yêu cầu được ly hôn với anh DTH là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị PTHT và anh DTH có 02 con chung, là L, sinh ngày 14-01-2007 và M, sinh ngày 17-6-2011, hiện đang do chị PTHT trực tiếp nuôi dưỡng cả 02

con chung. Ly hôn, chị PTHT có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh DTH không có ý kiến, quan điểm gì về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc để chị PTHT trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn; nguyện vọng của các con chung; phù hợp với thực tế; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh DTH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh DTH lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị PTHT có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh DTH theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: chị PTHT đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Chị PTHT phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008093 ngày 3001-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị PTHT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTHT được ly hôn anh DTH.

2. Về con chung: Giao 02 con chung, là L, sinh ngày 14-01-2007 và M, sinh ngày 17-6-2011 cho chị PTHT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh DTH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị PTHT có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh DTH nếu anh DTH lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị PTHT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008093 ngày 30-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị PTHT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. H, Q. I, HP;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trung Dũng